TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-25
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (Cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Thương mại và sản xuất. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103938868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 12 - Quốc lộ 32 - Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 320.000.000.000 VND (Ba trăm hai mươi tỷ đồng). Tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị thành viên:

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Lô J12, Đường số 10, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km 12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ liêm, TP. Hà Nội
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

Các công ty liên doanh; Liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B - Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - TP Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2009)
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2009)
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2009)
Ông Nguyễn Hoa Cương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2009)
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2009)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2010)
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
		(Miễn nhiệm ngày 31/12/2009
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
Ông Tạ Đình Lân	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Phạm Mạnh Hà

Số: 156/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội được lập ngày 22 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3824 1990/1 - Fax: (84-4) 3825 3973
Email: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

AFFILIATE INPACT INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
100	**A TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**133.964.607.774**	-
110	**I Tiền và các khoản tương đương tiền**		**3.903.607.762**	-
111	1 Tiền	3	3.903.607.762	-
120	**II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**500.000.000**	-
121	1 Đầu tư ngắn hạn		500.000.000	-
130	**III Các khoản phải thu ngắn hạn**		**92.928.777.565**	-
131	1 Phải thu của khách hàng		75.820.936.322	-
132	2 Trả trước cho người bán		2.154.229.487	-
135	5 Các khoản phải thu khác	5	14.953.611.756	-
140	**IV Hàng tồn kho**		**34.690.143.403**	-
141	1 Hàng tồn kho	6	34.690.143.403	-
150	**V Tài sản ngắn hạn khác**		**1.942.079.044**	-
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		104.008.436	-
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	7	1.838.070.608	-
200	**B TÀI SẢN DÀI HẠN**		**309.275.257.906**	-
220	**II Tài sản cố định**		**55.198.169.046**	-
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	53.742.065.981	-
222	- Nguyên giá		90.661.856.163	-
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(36.919.790.182)	-
227	3 Tài sản cố định vô hình	9	7.000.000	-
228	- Nguyên giá		18.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(11.000.000)	-
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.449.103.065	-
250	**IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	11	**249.330.697.294**	-
251	1 Đầu tư vào công ty con		36.797.740.312	-
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		207.600.556.982	-
258	3 Đầu tư dài hạn khác		4.932.400.000	-
260	**V Tài sản dài hạn khác**		**4.746.391.566**	-
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	4.746.391.566	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**443.239.865.680**	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
300	**A NỢ PHẢI TRẢ**		**105.566.045.759**	-
310	**I Nợ ngắn hạn**		**105.566.045.759**	-
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	13	39.169.174.396	-
312	2 Phải trả người bán		20.227.504.499	-
313	3 Người mua trả tiền trước		4.170.947.680	-
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.738.848.286	-
315	5 Phải trả người lao động		170.438.858	-
316	6 Chi phí phải trả	15	717.248.455	-
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	38.371.883.585	-
400	**B VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**337.673.819.921**	-
410	**I Vốn chủ sở hữu**	17	**335.052.891.077**	-
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	-
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		2.510.470	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(5.971.432)	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.056.352.039	-
430	**II Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**2.620.928.844**	-
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.002.049.112	-
432	2 Nguồn kinh phí		(413.194.636)	-
433	3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.032.074.368	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**443.239.865.680**	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	01/07/2009
4	Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.010.821.689	-
5	Ngoại tệ các loại	USD	118.053,23	

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Nga	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phạm Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND
01	**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	18	**122.235.335.838**
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		738.008.080
10	**3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**121.497.327.758**
11	**4 Giá vốn hàng bán**	19	**97.757.351.953**
20	**5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**23.739.975.805**
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	10.179.281.557
22	7 Chi phí tài chính	21	1.557.353.998
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.161.943.997*
24	8 Chi phí bán hàng	22	8.378.437.638
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.491.182.635
30	**10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**16.492.283.091**
31	11 Thu nhập khác		275.675.091
32	12 Chi phí khác		139.113.689
40	**13 Lợi nhuận khác**		**136.561.402**
50	**14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**16.628.844.493**
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.572.492.454
60	**17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**15.056.352.039**
70	**18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	25	471

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Nga	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phạm Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		108.242.060.781
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(91.662.302.655)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(13.344.895.438)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(1.105.174.452)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.142.500)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.491.492.774
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.827.326.674)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(21.211.288.164)***
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.450.472.047)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		211.909.091
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.554.000.000)
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.636.208.773
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***14.843.645.817***
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(90.000.000)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		44.191.167.418
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(33.828.495.981)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***10.272.671.437***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		3.905.029.090
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.421.328)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**3.903.607.762**

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Nga	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phạm Mạnh Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (Cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Thương mại và sản xuất. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 12 - Quốc lộ 32 - Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên:

Các công ty con:

Tên đơn vị	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Tp Hải Dương	Sản xuất, nhập khẩu, chế tạo…
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Tp HCM	Sản xuất kinh doanh, chế tạo
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Tp Hà Nội	Đào tạo, giảng dạy…..
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Tp Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ, thương mại

Các công ty liên doanh; Liên kết

Tên đơn vị	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Tp Hà Nội	Kinh doanh khách sạn, du lịch

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thương mại và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103938868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm 2009 là năm hoạt động đầu tiên của công ty vì vậy năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2009 đến ngày 31/12/2009.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: . 0%

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lợi thế kinh doanh;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Tiền mặt	192.327.675	-
Tiền gửi ngân hàng	3.711.280.087	-
Cộng	**3.903.607.762**	-

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Cho vay ngắn hạn (*)	500.000.000	-
Cộng	**500.000.000**	-

(*) Là khoản cho vay vốn ngắn hạn căn cứ vào Hợp đồng vay vốn số 02.07/HĐVV/2008 ngày 23/7/2008 giữa Bên cho vay là Công ty TNHH Nhà nước 1TV Chế tạo điện cơ Hà Nội (nay là Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội) và Bên đi vay là Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội ngày 23/07/2008 với lãi suất cho vay trong hạn là 11,4%/năm và thời hạn cho vay là 1 năm tính từ ngày chuyển tiền cho bên vay.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Nộp thừa Bảo hiểm xã hội	326.990.256	-
Cổ tức được chia	661.355.000	-
Phải thu về lãi liên doanh	13.814.570.000	
Phải thu khác	150.696.500	-
Cộng	**14.953.611.756**	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.386.941.192	-
Công cụ, dụng cụ	466.381.002	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.567.188.328	-
Thành phẩm	17.269.632.881	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**34.690.143.403**	-

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Tạm ứng	1.236.819.000	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	601.251.608	-
Cộng	**1.838.070.608**	-

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong kỳ	34.752.649.807	46.801.787.918	8.190.006.562	1.490.525.483	91.234.969.770
- Mua sắm mới	-	3.564.196.618	-	32.808.816	3.597.005.434
- Tăng từ bàn giao từ Công ty TNHH	34.319.797.607	43.066.709.606	8.190.006.562	1.271.638.267	86.848.152.042
- Tăng khác	432.852.200	170.881.694	-	186.078.400	789.812.294
3. Số giảm trong kỳ	-	**42.600.000**	**503.940.707**	**26.572.900**	**573.113.607**
- Thanh lý, nhượng bán	-	42.600.000	503.940.707	-	546.540.707
- Giảm khác	-	-	-	26.572.900	26.572.900
4. Số dư cuối kỳ	**34.752.649.807**	**46.759.187.918**	**7.686.065.855**	**1.463.952.583**	**90.661.856.163**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong kỳ	12.287.501.815	20.659.196.332	3.776.618.574	628.938.376	37.352.255.097
- Trích khấu hao	460.970.453	1.802.752.394	406.883.677	173.053.446	2.843.659.970
- Tăng từ bàn giao từ Công ty TNHH	11.784.147.916	18.856.443.938	3.369.734.897	412.466.636	34.422.793.387
- Tăng khác	42.383.446			43.418.294	85.801.740
3. Số giảm trong kỳ	-	**37.870.498**	**369.556.520**	**25.037.897**	**432.464.915**
- Thanh lý, nhượng bán	-	37.870.498	369.556.520	-	407.427.018
- Giảm khác	-	-	-	25.037.897	25.037.897
4. Số dư cuối kỳ	**12.287.501.815**	**20.621.325.834**	**3.407.062.054**	**603.900.479**	**36.919.790.182**
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu kỳ	-	-	-	-	-
2. Cuối kỳ	**22.465.147.992**	**26.137.862.084**	**4.279.003.801**	**860.052.104**	**53.742.065.981**

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 22.116.518.795 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 117.102.298 đồng

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	**18.000.000**	**18.000.000**
- Tăng từ bàn giao từ Công ty TNHH	-	18.000.000	18.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	**18.000.000**	**18.000.000**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	**11.000.000**	**11.000.000**
- Trích khấu hao	-	3.000.000	3.000.000
- Tăng từ bàn giao từ Công ty TNHH	-	8.000.000	8.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	**11.000.000**	**11.000.000**
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	-	-	-
2. Cuối năm	-	**7.000.000**	**7.000.000**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.319.939.091	-
- Cải tạo cổng công ty	*459.870.909*	-
- Nhà bán mái xưởng Lắp ráp	*860.068.182*	-
Mua sắm tài sản cố định	129.163.974	-
- Máy đúc áp lực	*129.163.974*	-
Cộng	**1.449.103.065**	-

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	36.797.740.312	-
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	*10.277.743.006*	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	*14.251.253.000*	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*9.624.891.221*	-
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	*2.643.853.085*	-
Đầu tư vào công ty liên kết	207.600.556.982	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	*207.600.556.982*	-
Đầu tư dài hạn khác	4.932.400.000	-
Cộng	**249.330.697.294**	-

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất kinh doanh, chế tạo
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Tp. Hải Dương	51,00%	51,00%	Sản xuất, nhập khẩu, chế tạo…
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Tp. Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, giảng dạy, bồi dưỡng cán bộ.
Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Tp. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, dịch vụ, thương mại

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Tp. Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, du lịch

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	
	Số lượng	Số tiền VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	448.400	4.932.400.000
Cộng		**4.932.400.000**

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Lợi thế thương mại	3.673.720.227	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	669.428.426	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	403.242.913	-
Cộng	**4.746.391.566**	-

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Vay ngắn hạn	39.169.174.396	-
- Vay ngân hàng (*)	15.949.174.396	-
Chi nhánh Argribank Hà Nội	*7.937.425.174*	-
Chi nhánh Vietinbank Cầu Diễn	*8.011.749.222*	-
- Vay đối tượng khác (**)	23.220.000.000	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	*20.000.000.000*	-
Trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội	*600.000.000*	-
Cán bộ CNV	*2.620.000.000*	-
Cộng	**39.169.174.396**	-

(*) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng gồm các hợp đồng cụ thể:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1500-LAV-200902283 ngày 30/03/2009 giữa Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội và Công ty TNHH Nhà nước 1TV Chế tạo điện cơ Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội) với: Tổng hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng; Số tiền cho vay theo từng Giấy nhận nợ; Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay trong hạn được xác định cho từng Giấy nhận nợ tương đối ổn định trong năm 2009 là 10%/năm (trong đó được hỗ trợ lãi suất 4%/năm) và lãi suất áp dụng cho năm 2010 là 12%/năm; Thời hạn theo Giấy nhận nợ là 6 tháng; Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-HM/2009 ngày 01/04/2009 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cầu Diễn và Công ty TNHH Nhà nước 1TV Chế tạo điện cơ Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội) với: Hạn mức tín dụng là 38 tỷ đồng; Thời gian duy trì hạn mức cho vay đến ngày 31/03/2010; Số tiền cho vay theo từng Giấy nhận nợ; Mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2009 theo ngành nghề ghi trong giấy phép kinh doanh; Lãi suất cho vay trong năm 2009 là 10,5%/năm (trong đó được hỗ trợ lãi suất 4%/năm) và lãi suất áp dụng cho năm 2010 là 12%/năm; Thời hạn theo Giấy nhận nợ là 6 tháng; Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp tài sản.

(**) Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác gồm các hợp đồng cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

Hợp đồng	Lãi suất (%)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam					
- HĐVV 016/2009 ngày 08/01/2009	7,2%/năm	1 năm	10.000	10.000	Tín chấp
- HĐVV 012/2009 ngày 19/10/2009	6%/năm	1 năm	10.000	10.000	Tín chấp
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội					
- HĐVV số 01/2009/HĐVV/TCKT	0,95%/tháng	Không xác định	600	600	Tín chấp

Vay Cán bộ công nhân viên căn cứ vào Quyết định số 600/2009/QĐ-TCKT ngày 10/12/2009 về việc tiếp tục huy động vốn vay từ CBCNV trong Công ty của Tổng Giám đốc với quy định: Huy động vốn vay để sản xuất kinh doanh bằng hình thức tiền gửi tiết kiệm; Lãi suất là 0,5%/tháng cho khoản gửi dưới 01 tháng và 0,95%/tháng cho khoản gửi đủ 01 tháng trở lên, có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế thị trường.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	383.363.311	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.169.329.275	-
Thuế Thu nhập cá nhân	186.155.700	-
Cộng	**2.738.848.286**	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Chi phí lãi vay	373.961.955	-
Chi phí thuê đất	294.400.000	-
Chi phí khác	48.886.500	-
Cộng	**717.248.455**	-

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/07/2009 VND
Phải trả về cổ phần hoá	35.208.570.992	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.163.312.593	-
- Phải trả thu lao HĐQT, BKS	*90.000.000*	-
- Phải trả, phải nộp khác	*3.073.312.593*	-
Cộng	**38.371.883.585**	-

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	320.000.000.000	2.510.470	-	-	-	320.002.510.470
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	15.056.352.039	15.056.352.039
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	5.971.432	-	-	5.971.432
Số dư cuối kỳ	**320.000.000.000**	**2.510.470**	**(5.971.432)**	**-**	**15.056.352.039**	**335.052.891.077**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của TCT Thiết bị điện Việt Nam	260.722.000.000	81,48%
Vốn góp của đối tượng khác	59.278.000.000	18,52%
Cộng	**320.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	*320.000.000.000*
- Vốn góp cuối năm	*320.000.000.000*

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*32.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*32.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND
Doanh thu bán hàng	91.725.168.535
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.510.167.303
Cộng	**122.235.335.838**

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND
Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã bán	75.276.049.501
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.481.302.452
Cộng	**97.757.351.953**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.674.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.041.708.285
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.898.305
Cộng	**10.179.281.557**

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND
Lãi tiền vay	1.161.943.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	395.410.001
Cộng	**1.557.353.998**

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	301.407.587
Chi phí nhân công	2.714.050.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.112.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.573.222
Chi phí khác bằng tiền	4.417.293.017
Cộng	**8.378.437.638**

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	941.550.296
Chi phí nhân công	3.286.667.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.355.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	873.149.208
Chi phí khác bằng tiền	1.872.460.675
Cộng	**7.491.182.635**

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.572.492.454
Cộng	**1.572.492.454**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong năm trừ đi khoản thuế được miễn giảm theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP về việc ưu đãi thuế TNDN cho đối tượng đầu tư mới dây truyền, mở rộng sản xuất.

	Kỳ này VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.628.844.493
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
Các khoản điều chỉnh tăng	3.542.029.484
Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	*3.041.294.985*
Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	*436.897.665*
Chi phí không hợp lý hợp lệ	*63.836.834*
Các khoản điều chỉnh giảm	13.480.735.639
Cổ tức và lợi nhuận từ liên doanh	*10.041.708.285*
Giảm trừ doanh thu các khoản đã tính thuế năm trước	*542.771.727*
Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	*2.896.255.627*
Tổng thu nhập chịu thuế	6.690.138.338
Chi phí thuế TNDN theo mức thuế suất 25%	1.672.534.585
Điều chỉnh giảm theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP	100.042.131
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.572.492.454

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Kỳ này VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	15.056.352.039
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.056.352.039
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	471

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên lên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Kỳ này VND
Mua hàng và thanh toán tiền hàng			
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	*Công ty mẹ*	*Mua hàng*	*5.437.760.730*
		Thanh toán	*3.431.146.350*
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	*Công ty con*	*Mua hàng*	*469.229.240*
	Công ty con	*Thanh toán*	*469.229.240*
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*Mua hàng*	*8.041.178.316*
	Công ty con	*Thanh toán*	*8.123.935.381*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Mua hàng*	*282.319.530*
	Công ty con	*Thanh toán*	*254.704.780*
Bán hàng và thu tiền hàng			
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	*Công ty mẹ*	*Bán hàng*	*3.690.466.500*
		Thu tiền	*3.690.466.500*
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	*Công ty con*	*Bán hàng*	*6.864.068.849*
		Thu tiền	*12.989.926.955*
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*Bán hàng*	*459.572.555*
		Thu tiền	*459.572.555*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Bán hàng*	*8.552.949.264*
		Thu tiền	*5.654.222.875*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*Công ty con*	*Bán hàng*	*51.562.500*
		Thu tiền	*35.062.500*
Cho vay và thu nợ tiền vay			
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Cho vay*	*3.000.000.000*
	Công ty con	*Thu vốn vay*	*3.000.000.000*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Kỳ này VND
Lãi cho vay và thu lãi			
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*Lãi cho vay*	*21.000.000*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Lãi cho vay*	*58.450.000*
		Thu lãi	*118.650.000*
Vay và trả nợ tiền vay			
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	*Công ty mẹ*	*Vay vốn*	*10.000.000.000*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*Công ty con*	*Vay vốn*	*600.000.000*
		Trả nợ vay	*3.150.000.000*
Lãi vay phải trả và trả lãi			
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	*Công ty mẹ*	*Lãi vay*	*475.416.667*
		Trả lãi	*118.750.000*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*Công ty con*	*Lãi vay*	*108.853.300*
		Trả lãi	*108.853.300*
Cổ tức được chia và nhận cổ tức			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	*Công ty con*	*Cổ tức được chia*	*1.748.620.000*
		Nhận cổ tức	*1.311.465.000*
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*Cổ tức được chia*	*238.176.000*
		Nhận cổ tức	*238.176.000*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Cổ tức được chia*	*1.028.778.400*
		Nhận cổ tức	*1.028.778.400*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*Công ty con*	*Cổ tức được chia*	*1.140.000.000*
		Nhận cổ tức	*1.140.000.000*
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	*Công ty liên kết*	*Cổ tức được chia*	*31.632.370.000*
		Nhận cổ tức	*17.817.800.000*
Thu hộ và trả hộ cổ tức			
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*Thu hộ*	*173.289.600*
		Trả hộ	*173.289.600*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2009 VND
Phải thu		
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	*Công ty con*	*4.095.914.149*
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*500.000.000*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*6.301.423.272*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		*16.500.000*
Phải trả		
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	*Công ty mẹ*	*58.373.247.622*
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	*Công ty con*	*285.423.360*
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	*Công ty con*	*1.134.293*
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	*Công ty con*	*600.000.000*

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Do đây là kỳ kế toán đầu tiên đơn vị Công ty chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Nga	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phạm Mạnh Hà